

Biểu mẫu 01

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8 TRƯỜNG MẦM NON TUỔI HOA

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2022 - 2023

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ đạt được	- Thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau. - Ngủ 1 giấc buổi trưa. - Biết đội mũ khi ra nắng, đi giày dép, mặc quần áo ấm khi trời lạnh. - Thể chất: Mức độ đạt 80 % - Tình cảm- xã hội: Mức độ đạt 80 % - Nhận thức: Mức độ đạt 75 % - Ngôn ngữ: Mức độ đạt: 75 %	- Nhận biết, phân loại 1 số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm. - Làm quen một số thao tác đơn giản trong chế biến 1 số món ăn và thức uống. - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (tiêu chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì) - Tập luyện 1 số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - Thể chất : Mức độ đạt 90 % - Tình cảm-xã hội: Mức độ đạt 90 % - Nhận thức: Mức độ đạt 90 % - Ngôn ngữ: Mức độ đạt: 90 % - Thẩm mỹ: Mức độ đạt: 90%
II	Chương trình chăm sóc giáo dục mầm non của nhà	- Phát triển thể chất. - Phát triển nhận thức. - Phát triển ngôn ngữ.	- Phát triển thể chất. - Phát triển nhận thức. - Phát triển ngôn ngữ.

	trường thực hiện	- Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ. Các nội dung khác: - Nội dung và các chủ điểm giáo dục: Nhà trẻ chỉ dạy theo kỹ năng như: - Kỹ năng nghe - Kỹ năng cầm nắm - Kỹ năng xâu - Kỹ năng vò - Kỹ năng quan sát - Kỹ năng phân biệt kích thước - Kỹ năng phân biệt hình dạng * Hưởng ứng các Lễ hội – Các sự kiện phát sinh trong năm.	- Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội. - Phát triển thẩm mỹ. Các nội dung khác: - Nội dung và các chủ đề giáo dục: - Trường Mầm non - Bản thân.- An toàn - Gia đình - Nghề nghiệp. - Thực vật - Động vật - Phương tiện giao thông - Hiện tượng tự nhiên - Quê hương đất nước - Trường Tiểu học - Tết Trung Thu - Ngày 20/11 - Ngày QĐNDVN 22/12 - Vui noel - Lễ hội Mùa xuân - Ngày 8/3 - Giỗ Tổ Hùng Vương - Kết quả trẻ 5 tuổi đạt chuẩn phát triển của năm học trước - Thể chất: Mức độ đạt 95 % - Tình cảm – xã hội: Mức độ đạt 92 % - Nhận thức: Mức độ đạt 92 % - Ngôn ngữ: Mức độ đạt: 93 % - Thẩm mỹ: Mức độ đạt: 92 % - Các lớp học năng khiếu: nhíp điệu: 14 lớp
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	- Biết tránh 1 số vật dụng và nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở. - Biết tránh 1 số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn...) khi được nhắc nhở. - Làm được 1 số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh) - Thể chất: Mức độ đạt 80%	- Tập luyện kỹ năng: đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng cá nhân đúng cách. - Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết. - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết. - Nhận biết 1 số biểu hiện khi

		- Tình cảm – xã hội: Mức độ đạt 75% - Nhận thức: Mức độ đạt 70% - Ngôn ngữ: Mức độ đạt 70%	ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh. - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ. - Thể chất: Mức độ đạt 95% - Tình cảm – xã hội: Mức độ đạt 89% - Nhận thức: Mức độ đạt 90% - Ngôn ngữ: Mức độ đạt 90%
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non.	- Phòng sinh hoạt: đảm bảo 1,5 – 1,8 m² cho 1 trẻ, đủ ánh sáng tự nhiên và thoáng, nền nhà láng xi măng, lát gạch màu sáng hoặc gỗ. Được phép sử dụng phòng sinh hoạt chung làm nơi ăn, ngủ cho trẻ. - Phòng sinh hoạt chung có đầy đủ các thiết bị: bàn, ghế của trẻ đúng qui cách và đủ cho số trẻ trong lớp. + Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu. + Hệ thống đèn, hệ thống quạt. - Phòng ngủ: đảm bảo 1,2 – 1,5 m² cho 1 trẻ, đảm bảo yên tĩnh, thoáng mát theo thời tiết. Có các thiết bị: chiếu, nệm, gối, màn, quạt. Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ dùng phục vụ trẻ ngủ. - Phòng vệ sinh: đảm bảo 0,4 – 0,6 m² cho 1 trẻ, có các thiết bị sau: vòi nước rửa tay, ghế ngồi bồn.	- Phòng sinh hoạt: đảm bảo 1,5 – 1,8 m² cho 1 trẻ, đủ ánh sáng tự nhiên và thoáng, nền nhà láng xi măng, lát gạch màu sáng hoặc gỗ. Được phép sử dụng phòng sinh hoạt chung làm nơi ăn, ngủ cho trẻ. - Phòng sinh hoạt chung có đầy đủ các thiết bị: bàn, ghế của trẻ đúng qui cách và đủ cho số trẻ trong lớp. + Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu. + Hệ thống đèn, hệ thống quạt. - Phòng ngủ: đảm bảo 1,2 – 1,5 m² cho 1 trẻ, đảm bảo yên tĩnh, thoáng mát theo thời tiết. Có các thiết bị: chiếu, nệm, gối, màn, quạt. Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ dùng phục vụ trẻ ngủ. - Phòng vệ sinh: đảm bảo 0,4 –

		0,6 m2 cho 1 trẻ, có các thiết bị sau: vòi nước rửa tay, chỗ đi tiêu và bệ xí cho bé trai và bé gái.
--	--	--

Quận 8, ngày 22 tháng 12 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



★ **Huỳnh Thị Hạnh**

Biểu mẫu 02

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8
TRƯỜNG MẦM NON TUỔI HOA

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2022 - 2023

Đơn vị tính: trẻ em

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	402			30	81	122	169
1	Số trẻ em nhóm ghép							
2	Số trẻ em 1 buổi/ngày							
3	Số trẻ em 2 buổi/ngày							
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập							
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	402			30	81	122	169
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	402			30	81	122	169
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	402			30	81	122	169
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em							
1	Số trẻ cân nặng bình thường	400			30	81	121	168
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	0			0	0	0	0
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	402			30	81	122	169
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	0			0	0	0	0
8	Số trẻ thừa cân béo phì	02			0	0	1	1
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục							
a	Chương trình giáo dục nhà trẻ	30			30			
b	Chương trình giáo dục mẫu giáo	372				81	122	169

Quận 8, ngày 22 tháng 12 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên và đóng dấu)



Huỳnh Thị Hạnh

Biểu mẫu 03
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của
Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8
TRƯỜNG MẦM NON TUỔI HOA

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2022 - 2023

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	14	Số m²/trẻ em
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	14	-
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
III	Số điểm trường	7	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)		1439,64 m²
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)		230 m²
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)		958 m ²
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)		Không có phòng ngủ
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)		87,19m ²
4	Diện tích hiên chơi (m ²)		230 m ²
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)		Không có phòng giáo dục thể chất
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)		Không có phòng đa chức năng
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)		39,2 m ²
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	14	1 bộ/lớp
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	14	Số bộ/ sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	15 (máy vi tính: 13, máy chiếu: 1, máy ảnh kỹ thuật số: 1)	
IX	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Ti vi	16 (2 bị hư)	
2	Nhạc cụ (Đàn organ, ghi ta, trống)	6 (6 bị hư)	
3	Máy phôtô	1 (bị hư)	
5	Catsset	14 (4 bị hư)	

6	Đầu Video/đầu đĩa	8 (7 bị hư)	
7	Thiết bị khác	Bảng tương tác: 1	
9	Bàn ghế đúng quy cách	Bàn: 285, Ghế: 570	

X	Nhà vệ sinh	Số lượng (m ²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	5	13	Phân biệt khu vực nam nữ	0,17 m ² /trẻ	
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0			

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ GDĐT về Điều lệ trường mầm non và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)

		Có	Không
XI	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIII	Kết nối internet (ADSL)	x	
XIV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XV	Tường rào xây	x	

Quận 8, ngày 22 tháng 12 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Huỳnh Thị Hạnh

Biểu mẫu 04

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8
TRƯỜNG MẦM NON TUỔI HOA

THÔNG BÁO

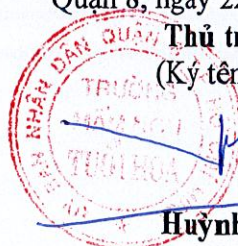
Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Tổng số	Hình thức tuyển dụng		Trình độ đào tạo						Ghi chú
			Tuyển dụng trước ND 116 và tuyển dụng theo ND 116 (Biên chế, hợp đồng làm việc ban đầu, hợp đồng làm việc có thời hạn, hợp đồng làm việc không thời hạn)	Các hợp đồng khác (Hợp đồng làm việc, hợp đồng vụ việc, ngắn hạn, thỉnh giảng, hợp đồng theo ND 68)	TS	ThS	ĐH	CĐ	TCCN	Dưới TCCN	
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	48				2	19	8	7	12	
I	Giáo viên	28	8 biên chế, 14 HĐ ND 116, 12 HĐ ND29				17	7	4		
II	Cán bộ quản lý	4				2	2				
1	Hiệu trưởng	1	1 Biên chế			1					
2	Phó hiệu trưởng	3	3 Biên chế			1	2				
III	Nhân viên	16									
1	Nhân viên văn thư	1	1 ND 116						1		
2	Nhân viên kế toán	1						1			
3	Thủ quỹ										Giáo viên Kiểm nhiệm
4	Nhân viên y tế										Văn thư Kiểm nhiệm
5	Nhân viên thư viện										GV Kiểm nhiệm
6	Nhân viên khác	14		3 ND 68, 11 HĐ trường					2	12	
...											

Tổng số CB – GV – CNV năm học 2022-2023: 48 người

Quận 8, ngày 22 tháng 12 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Huỳnh Thị Hạnh